**Tuần 1**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**CHỦ ĐỀ 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM**

**Tên bài học BÀI 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM (tiết 1) Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển cho HS tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm,…thông qua một số biểu hiện cụ thể:

- Yêu thích cái đẹp trong thiên nhiên, trong đời sống; yêu thích các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Có ý thức chuẩn bị đồ dùng, vật liệu phục vụ bài học và bảo quản các đồ dùng học tập của mình, của bạn, trong lớp, trong trường,…

b. Năng lực

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

- Nhận biết một số đồ, vật liệu cần sử dụng trong tiết học; nhận biết tên gọi một số sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Nêu được tên một số đồ dùng, vật liệu; gọi được tên một số sản phẩm mĩ thuật trong bài học; lựa chọn được hình thức thực hành để tạo sản phẩm.

- Bước đầu chia sẻ về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật do bản thân, bạn bè, những người xung quanh tạo ra trong học tập và đời sống.

\*Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự lự chọn nội dung thực hành.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học với GV và bạn học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, phát hiện vẻ đẹp ở đói tượng quan sát; biết sử dụng các đồ dùng, công cụ, … để sáng tạo sản phẩm.

\*Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Hình thành thông qua các hoạt đọng trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác sử dụng đồ dùng như vẽ tranh, cắt hình, nặn, hoạt động vận động.

**2. Đồ dùng dạy học**

a.Học sinh:

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Ảnh, bức tranh về sản phẩm thủ công (nếu có thể).

b.Giáo viên**:**

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; hình ảnh hoặc vật thật minh họa nội dung bài học(đồ thủ công, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, vật liệu đặc trưng vùng miền,…)

- Phương tiện, họa phẩm cần thiết cho các hoạt động: vẽ, dán, ghép hình, nặn

- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khởi động (3 phút)**

**Hát tập thể****Giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học.****2.Hình thành kiến thức mới (30 phút)****Hoạt động 1: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá những điều mới mẻ.****a.Quan sát, nhận biết****- Tiếp tục sử dụng các hình ảnh (hoặc video clip)****- Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trang 3 SGK:****+ Đây là hoạt động gì?****+ Em đã từng làm việc này chưa?****+ Đây là màu gì? Sự khác nhau giữa các màu? Cảm giác màu phù hợp theo mùa…?****- Gợi ý HS kể/gọi tên các đồ dùng và kết nối các tên với hình ảnh trong trang 4 SGK.****- Gợi ý HS kể/ gọi tên và cho HS bổ sung, mở rộng các loại vật liệu dùng cho môn Mĩ thuật ở trang 5.****- Hướng dẫn HS gọi đúng tên một số sản phẩm mĩ thuật quanh em tại trang 6 SGK.****- Tổng kết lại thông tin. GV trình chiếu hình ảnh trong sách. HS nêu ý kiến hoặc trả lời.****b.Thực hành, sáng tạo*****\*Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo*****- Tổ chức cho HS trao đổi về các sản phẩm phần thực hành, sáng tạo tại trang 6.****GV chốt: Tranh xé dán, tạo hình bằng đất nặn, vẽ tranh, ghép hình bằng lá cây.****- Nêu câu hỏi đồng thời gới thiệu cách tạo ra sản phẩm.****- GV chốt lại.*****\* Thực hành và thảo luận*****- Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm 4. Tạo sản phẩm nhóm.****Gợi ý:** **+ Mỗi HS nặn một phần của đồ vật và ghép thành sản phẩm hoàn chỉnh,****+ Cùng xé dán một bức tranh với những hình ảnh khác nhau****+ Chọn vật liệu, ghép hình theo những thứ HS chuẩn bị được.****- Nhắc HS giữ vệ sinh , dọn dẹp vệ sinh tại chỗ sau khi tạo ra sản phẩm.****Hoạt động 4: Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ.**- Hs quan sát các hình ảnh trang 7 SGK**- Cho HS ghép tên với ảnh sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật ở trang 7.** **- Cho HS chia sẻ về sản phẩm của mình của bạn dựa trên: kể tên vật liệu, chất liệu, hình thức tạo hình, đã ổn chưa hay thay đổi gì không,…****GV nêu yêu cầu: Em hãy kể tên một số sản phẩm hoặc tác phẩm mĩ thuật mà em biết.****- GV chốt lại.****3.Củng cố và nối tiếp (2 phút)**– Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.– Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | **- Quan sát, lắng nghe.****- Quan sát và trả lời.****- HS phát biểu, bổ sung.****- HS trả lời.****- HS kể tên các vật liệu, các bước để tạo ra sản phẩm.****- Lắng nghe.**– Thảo luận nhóm:+ Chọn vật liệu, chất liệu để thực hành+ Chia sẻ, trao đổi thống nhất trong thực hành.– Tạo sản phẩm nhóm– Tập đặt câu hỏi cho bạn và trả lời câu hỏi của bạn trong nhóm.- HS quan sát- 6 HS lần lượt ghép.**- Một số HS chia sẻ về sản phẩm của mình của bạn.****- HS lắng nghe.**– Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy : không**

**Tuần 2**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**CHỦ ĐỀ 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM**

**Tên bài học BÀI 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM (tiết 2) Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển cho HS tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm,…thông qua một số biểu hiện cụ thể:

- Yêu thích cái đẹp trong thiên nhiên, trong đời sống; yêu thích các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Có ý thức chuẩn bị đồ dùng, vật liệu phục vụ bài học và bảo quản các đồ dùng học tập của mình, của bạn, trong lớp, trong trường,…

b. Năng lực

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

- Nhận biết một số đồ, vật liệu cần sử dụng trong tiết học; nhận biết tên gọi một số sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Nêu được tên một số đồ dùng, vật liệu; gọi được tên một số sản phẩm mĩ thuật trong bài học; lựa chọn được hình thức thực hành để tạo sản phẩm.

- Bước đầu chia sẻ về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật do bản thân, bạn bè, những người xung quanh tạo ra trong học tập và đời sống.

\*Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự lự chọn nội dung thực hành.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học với GV và bạn học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, phát hiện vẻ đẹp ở đói tượng quan sát; biết sử dụng các đồ dùng, công cụ, … để sáng tạo sản phẩm.

\*Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Hình thành thông qua các hoạt đọng trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác sử dụng đồ dùng như vẽ tranh, cắt hình, nặn, hoạt động vận động.

**2. Đồ dùng dạy học**

a.Học sinh:

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Ảnh, bức tranh về sản phẩm thủ công (nếu có thể).

b.Giáo viên**:**

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; hình ảnh hoặc vật thật minh họa nội dung bài học(đồ thủ công, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, vật liệu đặc trưng vùng miền,…)

- Phương tiện, họa phẩm cần thiết cho các hoạt động: vẽ, dán, ghép hình, nặn

- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (3 phút)**- Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học- Giới thiệu nội dung tiết học.**2. Luyện tập vận dụng (30 phút)**HĐ 1: Vận dụngYêu cầu HS quan sát các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật ở trang 7 SGK và một số tranh sưu tầm thêm.- Cho HS trả lời một số câu hỏi:+ Kể tên vật liệu, chất liệu?+ Hình thức tạo hình?+ Ứng dụng? VD như: mặt nạ dùng để làm gì?+ Khi nào gọi là nghệ sĩ, nghệ nhân?+ Khi nào gọi là sản phẩm, tác phẩm?- GV chốt lại.HĐ 2: Tổng kết nội dung bài**-** Yêu cầuHS trả lời các câu hỏi:+ Hãy kể tên các hoạt động trong môn Mĩ thuật mà em biết?+ Những đồ dùng, vật liệu môn Mĩ thuật?+ Hãy nêu tên gọi của các loại hình?( tranh , tượng)+ Tên gọi của người làm nghề mĩ thuật?(họa sĩ, nhà điêu khắc, nghệ nhân chạm khắc, …)- Ý nghĩ của môn Mĩ thuật, các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật?- GV chốt lại.**3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**– Tóm tắt nội dung chính của bài học– Nhận xét kết quả học tập– Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo: xem trước bài 2 SGK, chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục chuẩn bị trong Bài 2, trang 8 SGK. | - Suy nghĩ, chia sẻ, bổ sung.- HS quan sát.- HS vận dụng hiểu biết suy đoán, trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.- HS lắng nghe.- HS suy nghĩ, trả lời.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy**: không

**Tuần 3**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

 **CHỦ ĐỀ 2: MÀU SẮC VÀ CHẤM**

**Tên bài học: BÀI 2: MÀU SẮC QUANH EM ( tiết 1)** **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển ở HS nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực…. , thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu thích nét đẹp của màu sắc.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, tham gia các hoạt động nhóm.Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.

- Không tự tiện sử dụng màu sắc, họa phẩm, …của bạn.

- Biết giữ vệ sinh lớp học, ý thức bảo quản đồ dùng học tập, trân trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của mình, của mọi người.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

- Nhận biết và gọi tên được một số màu sắc quen thuộc; biết cách sử dụng một số loại màu thông dụng; bước đầu biết được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Sử dụng màu sắc ở mức độ đơn giản. Tạo được sản phẩm với màu sắc theo ý thích.

- Phân biệt được một số loại màu vẽ và cách sử dụng. Bước đầu chia sẻ được cảm nhận về màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật và liên hệ cuộc sống.

\*Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác thự hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, nhận rasuwj khcs nhau của màu sắc.

\*Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả về màu sắc theo cảm nhận.

- Năng lực khoa học: biết được trong tự nhiên và cuộc sống có nhiều màu sắc khác nhau.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác, sử dụng công cụ bằng tay như sử dụng kéo, hoạt động vận động.

**2.Đồ dùng dạy học**

aHọc sinh:

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Các sản phẩm khác nhau có màu sắc phong phú.

b.Giáo viên**:**

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Minh họa giới thiệu cách sử dụng một số loại màu vẽ thông dụng.

- Phương tiện, họa phẩm chủ yếu là màu vẽ, giấy màu và đất nặn nhiều màu.

- Chuẩn bị tốt các nội dụng về màu sắc và ý nghĩa của nó.

- Một số bức tranh rõ màu chủ đạo, màu sắc khác nhau.

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Ổn định lớp.*** Kiểm tra sĩ số và chuẩn bị bài học của HS.
* Kiểm tra bài cũ về màu sắc.

**Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học.**GV giơ một số hình ảnh gần gũi quen thuộc trong tự nhiên, đời sống( cây có đóm lá hình giống các chấm, pháo hoa, tuyết rơi, con chó đốm, con cánh cam, hộp đựng bút, …)* Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra chấm ở hình ảnh.
* Gv chốt ý giới thiệu tựa bài.

**Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá Những điều mới mẻ****1/Quan sát, nhận biết**1.1. Tổ chức HS tìm chấm ở một số hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống:– Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và yêu cầu HS nêu kích thước, màu sắc của các chấm trong hình trang 14. Gợi nhắc: chấm có kích thước bằng nhau/khác nhau; chấm có màu sắc giống nhau/khác nhau (SGK, trang 14).- Hình ảnh trang 15 SGK Mĩ Thuật 1. GV có thể chuẩn bị thêm hình ảnh con cánh cam, pháo hoa, tuyết rơi,…- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu các em:+ Giới thiệu tên các hình ảnh minh họa.+ Nêu hình dạng màu sắc của các chấm ở mỗi hình ảnh.– Tóm tắt nội dung trả lời của các nhóm HS, kết hợp giới thiệu thêm thông tin về: con sao biển; con hươu sao; trang phục váy.–Gợi mở HS quan sát lớp học để tìm chấm.– Giới thiệu một số hình ảnh có hình chấm và gợi mở HS kể tên, đọc tên màu sắc của các chấm.1.2. Tổ chức HS tìm chấm ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật:– GV giới thiệu các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, kết hợp tương tác với HS.+ Bức tranh “ Hoa hướng dương” của bạn Đình Quang.+ Bức tranh “ Chiều chủ nhật trên đảo Grăn- đơ Da- tơ”(trích đoạn) của họa sĩ Sơ- rát (Georges Pierre Seurat). Yêu cầu HS: thảo luận, giới thiệu một số hình ảnh được tạo từ chấm.. GV giới thiệu họa sĩ Sơ- rát (1859- 1891): Là người Pháp, ông là người rất thích sử dụng chấm để sáng tạo các tác phẩm mĩ thuật..GV gợi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra chấm được họa sĩ sử dụng.– Tóm tắt nội dung HS chia sẻ, kết hợp giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm và họa sĩ Sơ- rát.– Giới thiệu thêm một số bức tranh của HS, họa sĩ.– GV tóm tắt nội dung quan sát, + Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện chấm.+ Có thể sử dụng các chấm để tạo các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật hoặc trang trí làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích. GV sử dụng câu hỏi nêu vấn đề, gợi mở,.. để kích thích HS tham gia thực hành, sáng tạo. **2/ Thực hành, sáng tạo***2.1. Tìm hiểu cách tạo chấm và sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình.*\* Tổ chức HS tìm hiểu cách tạo chấm– Hướng dẫn HS quan sát một số cách tạo chấm (trang 16, SGK) và trả lời câu hỏi trong SGK.– Giới thiệu cách tạo chấm, kết hợp thị phạm, giảng giải và tương tác với HS.– Gợi nhắc HS: Có thể tạo chấm bằng các cách khác nhau.– Tổ chức HS tạo chấm và thể hiện trên vở Thực hành Mĩ thuật (trang 8).\* Tổ chức HS tìm hiểu sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình– Tổ chức HS quan sát và gợi mở nhận ra các chấm sắp xếp tạo nét tạo hình trong SGK trang 16 và hình ảnh do GV chuẩn bị và yêu cầu HS nhận ra cách sắp xếp+ Chấm tạo nét xoắn ốc,+ Chấm tạo nét lượn sóng,+ Nét tạo hình tròn.–Gợi mở rõ hơn cách tạo nét, tạo hình từ chấm.+ Nét lượn sóng, nét xoắn ốc+ Hình tròn–GV giới thiệu thêm cách tạo chấm bằng cách vẽ hoặc in các vật có hình dạng khác nhau.2.2. Thực hành, sáng tạo– Bố trí HS ngồi theo nhóm (6HS).– Giao nhiệm vụ cho HS: Sử dụng chấm để tạo nét hoặc hình theo ý thích.– Lưu ý HS: lựa chọn màu vẽ hoặc giấy màu để thực hành sử dụng chấm tạo nét hoặc hình; có thể tạo chấm có kích thước, màu sắc theo ý thích.– Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành.– Gợi mở nội dung HS trao đổi/thảo luận trong thực hành. **3/ Cảm nhận, chia sẻ**– Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm– Gợi mở HS giới thiệu:+ Tên nét hoặc hình đã tạo được bằng chấm+ Màu sắc, kích thước của các chấm ở sản phẩm.+ Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.**Hoạt động 4: Tổng kết tiết học**– Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.– Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | * Lớp trưởng báo cáo sĩ số. Tổ trưởng báo cáo phần chuẩn bị.
* GV gọi 3 em lần lượt nêu tên một số màu mà GV yêu cầu.
* HS quan sát.
* HS trả lời
* HS nhắc lại tựa bài.

– Thảo luận nhóm 6 HS.– Thảo luận: Tìm chấm ở các hình ảnh trang 14 theo gợi mở của GV– Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.– Quan sát lớp học, tìm chấm.–Quan sát, đọc tên một số màu sắc của chấm trên đồ vật.– Quan sát, trả lời câu hỏi của GV.(Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh. Nhận xét câu trả lời của bạn.– Thảo luận: nhóm 4 HS– Đại diện nhóm HS trả lời.( Chấm được sử dụng để thể hiện tán lá cây, thảm cỏ, mặt đất, trang phục (váy, mũ, áo…), con vật, … trong bức tranh.). Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.– Quan sát, lắng nghe.– Quan sát, trả lời..– Lắng nghe.– Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi– Quan sát– Một số HS tham gia cùng GV– HS tạo chấm– Quan sát hình ảnh SGK, trang 16.– Suy nghĩ, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV–Lắng nghe.– Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS– Tạo sản phẩm cá nhân– Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.– Trưng bày sản phẩm theo nhóm– Giới thiệu sản phẩm của mình– Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn– Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy: không**

**TUẦN 4**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

 **CHỦ ĐỀ 2: MÀU SẮC VÀ CHẤM**

**Tên bài học: BÀI 2: MÀU SẮC QUANH EM ( tiết 2)** **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển ở HS nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực…. , thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu thích nét đẹp của màu sắc.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, tham gia các hoạt động nhóm.Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.

- Không tự tiện sử dụng màu sắc, họa phẩm, …của bạn.

- Biết giữ vệ sinh lớp học, ý thức bảo quản đồ dùng học tập, trân trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của mình, của mọi người.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

- Nhận biết và gọi tên được một số màu sắc quen thuộc; biết cách sử dụng một số loại màu thông dụng; bước đầu biết được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Sử dụng màu sắc ở mức độ đơn giản. Tạo được sản phẩm với màu sắc theo ý thích.

- Phân biệt được một số loại màu vẽ và cách sử dụng. Bước đầu chia sẻ được cảm nhận về màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật và liên hệ cuộc sống.

\*Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác thự hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, nhận rasuwj khcs nhau của màu sắc.

\*Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả về màu sắc theo cảm nhận.

- Năng lực khoa học: biết được trong tự nhiên và cuộc sống có nhiều màu sắc khác nhau.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác, sử dụng công cụ bằng tay như sử dụng kéo, hoạt động vận động.

**2.Đồ dùng dạy học**

aHọc sinh:

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Các sản phẩm khác nhau có màu sắc phong phú.

b.Giáo viên**:**

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Minh họa giới thiệu cách sử dụng một số loại màu vẽ thông dụng.

- Phương tiện, họa phẩm chủ yếu là màu vẽ, giấy màu và đất nặn nhiều màu.

- Chuẩn bị tốt các nội dụng về màu sắc và ý nghĩa của nó.

- Một số bức tranh rõ màu chủ đạo, màu sắc khác nhau.

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (3 phút)**- Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học- Giới thiệu nội dung tiết học.**2.Luyện tập, vận dụng(30 phút)****Hoạt động 1: vận dụng**Yêu cầu HS quan sát các tranh trang 13 SGK .- Cho HS trả lời một số câu hỏi:+ Em nhìn thấy gì trong tranh?+ Các màu sắc có trên tín hiệu đèn?+ Lần lượt các hình người bên dưới đang làm gì?+ Em hãy tìm các hình ảnh bên dưới phù hợp với tín hiệu đèn giao thông?+ Khi tín hiệu đèn giao thông có màu đỏ, chúng ta phải làm gì?+ Khi tín hiệu đèn giao thông có màu vàng, chúng ta phải làm gì?+ Khi tín hiệu đèn giao thông có màu xanh, chúng ta phải làm gì?- GV chốt lại:+ Màu sắc để làm đẹp hơn cho cuộc sống.+ Liên hệ màu sắc để nhận biết tín hiệu giao thông.**Hoạt động 2: Tổng kết bài học.**- GV chốt lại:+ Màu sắc có ở xung quanh ta.+ Một số loại màu vẽ thông dụng.+ Những đồ dùng vẽ màu, vật liệu môn mĩ thuật có màu. Tên gọi một số màu sắc quen thuộc.+ Những ý nghĩa cơ bản ban đầu của màu sắc trong môn Mĩ thuật và trong cuộc sống.- Gợi mở: Em nào có thể sử dụng tiếng Anh để nói tên một số màu?- Cho HS chơi trò chơi đèn giao thông. Gợi ý:+ Đèn giao thông có mấy màu?+ Màu nào các phương tiện được di chuyển? Màu nào các phương tiện giao thông phải dừng lại?+ Chơi trò chơi, ai làm sai sẽ bị phạt múa bài Một con vịt.**3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**– Tóm tắt nội dung chính của bài học– Nhận xét kết quả học tập– Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo: xem trước bài 3 SGK, chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục chuẩn bị trong Bài 3, trang 14 SGK. | - HS quan sát.- HS vận dụng hiểu biết suy đoán, trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS kể ra- HS thực hiện.- HS trả lời- HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe |

**4.Điểu chỉnh sau bài dạy: không**

**TUẦN 5**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**Tên bài học:**  **BÀI 3: CHƠI VỚI CHẤM (tiết 1 ) Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a.Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

* Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
* Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
* Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo

b.Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

* Nhận biết chấm xuất hiện trong cuộc sống và có trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
* Tạo được chấm bằng một số cách khác nhau; biết vận dụng chấm để tạo sản phẩm theo ý thích.
* Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

\* Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác tham gia học tập, biết lựa chọn cách tạo chấm để thực hành.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, chia sẻ cảm nhận trong học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, họa phẩm (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,…) trong thực hành sáng tạo.

\* Năng lực đặc thù khác

* Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm trong học tập.
* Năng lực thể chất: Biết vận động bàn tay, ngón tay phù hợp với các thao tác tạo thực hành sản phẩm.

**2.Đồ dùng dạy học**

* Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, đất nặn, bông tăm,…
* Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, màu goát, bông tăm; hình ảnh minh họa. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**3. Các hoạt động dạy học chủ** **yếu**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
| 1. **Khởi động (3’)**

GV giơ một số hình ảnh gần gũi quen thuộc trong tự nhiên, đời sống( cây có đóm lá hình giống các chấm, pháo hoa, tuyết rơi, con chó đốm, con cánh cam, hộp đựng bút, …)* Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra chấm ở hình ảnh.
* Gv chốt ý giới thiệu tựa bài.

**2.Hình thành kiến thức mới (30’)****HĐ 1/Quan sát, nhận biết**1.1. Tổ chức HS tìm chấm ở một số hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống:– Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và yêu cầu HS nêu kích thước, màu sắc của các chấm trong hình trang 14. Gợi nhắc: chấm có kích thước bằng nhau/khác nhau; chấm có màu sắc giống nhau/khác nhau (SGK, trang 14).- Hình ảnh trang 15 SGK Mĩ Thuật 1. GV có thể chuẩn bị thêm hình ảnh con cánh cam, pháo hoa, tuyết rơi,…- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu các em:+ Giới thiệu tên các hình ảnh minh họa.+ Nêu hình dạng màu sắc của các chấm ở mỗi hình ảnh.– Tóm tắt nội dung trả lời của các nhóm HS, kết hợp giới thiệu thêm thông tin về: con sao biển; con hươu sao; trang phục váy.–Gợi mở HS quan sát lớp học để tìm chấm.– Giới thiệu một số hình ảnh có hình chấm và gợi mở HS kể tên, đọc tên màu sắc của các chấm.1.2. Tổ chức HS tìm chấm ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật:– GV giới thiệu các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, kết hợp tương tác với HS.+ Bức tranh “ Hoa hướng dương” của bạn Đình Quang.+ Bức tranh “ Chiều chủ nhật trên đảo Grăn- đơ Da- tơ”(trích đoạn) của họa sĩ Sơ- rát (Georges Pierre Seurat). Yêu cầu HS: thảo luận, giới thiệu một số hình ảnh được tạo từ chấm.. GV giới thiệu họa sĩ Sơ- rát (1859- 1891): Là người Pháp, ông là người rất thích sử dụng chấm để sáng tạo các tác phẩm mĩ thuật..GV gợi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra chấm được họa sĩ sử dụng.– Tóm tắt nội dung HS chia sẻ, kết hợp giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm và họa sĩ Sơ- rát.– Giới thiệu thêm một số bức tranh của HS, họa sĩ.– GV tóm tắt nội dung quan sát, + Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện chấm.+ Có thể sử dụng các chấm để tạo các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật hoặc trang trí làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích. GV sử dụng câu hỏi nêu vấn đề, gợi mở,.. để kích thích HS tham gia thực hành, sáng tạo.**2/ Thực hành, sáng tạo***2.1. Tìm hiểu cách tạo chấm và sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình.*\* Tổ chức HS tìm hiểu cách tạo chấm– Hướng dẫn HS quan sát một số cách tạo chấm (trang 16, SGK) và trả lời câu hỏi trong SGK.– Giới thiệu cách tạo chấm, kết hợp thị phạm, giảng giải và tương tác với HS.– Gợi nhắc HS: Có thể tạo chấm bằng các cách khác nhau.– Tổ chức HS tạo chấm và thể hiện trên vở Thực hành Mĩ thuật (trang 8).\* Tổ chức HS tìm hiểu sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình– Tổ chức HS quan sát và gợi mở nhận ra các chấm sắp xếp tạo nét tạo hình trong SGK trang 16 và hình ảnh do GV chuẩn bị và yêu cầu HS nhận ra cách sắp xếp+ Chấm tạo nét xoắn ốc,+ Chấm tạo nét lượn sóng,+ Nét tạo hình tròn.–Gợi mở rõ hơn cách tạo nét, tạo hình từ chấm.+ Nét lượn sóng, nét xoắn ốc+ Hình tròn–GV giới thiệu thêm cách tạo chấm bằng cách vẽ hoặc in các vật có hình dạng khác nhau.2.2. Thực hành, sáng tạo– Bố trí HS ngồi theo nhóm (6HS).– Giao nhiệm vụ cho HS: Sử dụng chấm để tạo nét hoặc hình theo ý thích.– Lưu ý HS: lựa chọn màu vẽ hoặc giấy màu để thực hành sử dụng chấm tạo nét hoặc hình; có thể tạo chấm có kích thước, màu sắc theo ý thích.– Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành.– Gợi mở nội dung HS trao đổi/thảo luận trong thực hành.**3/ Cảm nhận, chia sẻ**– Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm– Gợi mở HS giới thiệu:+ Tên nét hoặc hình đã tạo được bằng chấm+ Màu sắc, kích thước của các chấm ở sản phẩm.+ Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.**3.Củng cố, nối tiếp (2’)**– Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.– Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | * HS quan sát.
* HS trả lời
* HS nhắc lại tựa bài.

– Thảo luận nhóm 6 HS.– Thảo luận: Tìm chấm ở các hình ảnh trang 14 theo gợi mở của GV– Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.– Quan sát lớp học, tìm chấm.–Quan sát, đọc tên một số màu sắc của chấm trên đồ vật.– Quan sát, trả lời câu hỏi của GV.(Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh. Nhận xét câu trả lời của bạn.– Thảo luận: nhóm 4 HS– Đại diện nhóm HS trả lời.( Chấm được sử dụng để thể hiện tán lá cây, thảm cỏ, mặt đất, trang phục (váy, mũ, áo…), con vật, … trong bức tranh.). Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.– Quan sát, lắng nghe.– Quan sát, trả lời..– Lắng nghe.– Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi– Quan sát– Một số HS tham gia cùng GV – HS tạo chấm– Quan sát hình ảnh SGK, trang 16.– Suy nghĩ, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV.–Lắng nghe.– Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS– Tạo sản phẩm cá nhân– Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.– Trưng bày sản phẩm theo nhóm– Giới thiệu sản phẩm của mình– Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn– Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**Tuần 6**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**Tên bài học:**  **BÀI 3: CHƠI VỚI CHẤM (tiết 1 ) Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a.Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

* Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
* Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
* Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo

b.Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

* Nhận biết chấm xuất hiện trong cuộc sống và có trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
* Tạo được chấm bằng một số cách khác nhau; biết vận dụng chấm để tạo sản phẩm theo ý thích.
* Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

\* Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác tham gia học tập, biết lựa chọn cách tạo chấm để thực hành.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, chia sẻ cảm nhận trong học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, họa phẩm (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,…) trong thực hành sáng tạo.

\* Năng lực đặc thù khác

* Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm trong học tập.
* Năng lực thể chất: Biết vận động bàn tay, ngón tay phù hợp với các thao tác tạo thực hành sản phẩm.

**2.Đồ dùng dạy học**

* Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, đất nặn, bông tăm,…
* Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, màu goát, bông tăm; hình ảnh minh họa. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**3. Các hoạt động dạy học chủ** **yếu**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khởi động (3’)**

**Hát tập thể**– Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học.– Giới thiệu nội dung tiết học.**2.Thực hành luyện tập (30’)****Hoạt động 1: Quan sát, nhận biết**Tổ chức HS quan sát, tìm hiểu một số sản phẩm được tạo nên từ chấm bằng các chất liệu, vật liệu khác nhau và chia sẻ cảm nhận.**Hoạt động 2: Thực hành, sáng tạo sản phẩm nhóm**Tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm nhóm và thảo luận:– Số HS trong mỗi nhóm: 6 HS.– Chuẩn bị: 5 hình ảnh vẽ bằng nét; nội dung hình ảnh: Cây hoa, quả, con vật, mặt trời, hình tròn,…– Sử dụng mỗi hình ảnh làm phần quà cho mỗi nhóm HS.– Giao nhiệm vụ:+ Lựa chọn chất liệu để thực hành+ Tạo chấm và sắp xếp chấm thể hiện hình ảnh, kết hợp trao đổi về sản phẩm trong thực hành.– Gợi ý HS thực hiện: Có thể sử dụng các chấm kích thước giống nhau/khác nhau? Có thể tạo chấm có màu sắc giống nhau/ khác nhau.– Quan sát các nhóm, mỗi nhóm HS; gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.**Hoạt động 3: Cảm nhận, chia sẻ**– Tổ chức Hs trưng bày sản phẩm– Gợi ý nội dung HS thảo luận, nhận xét, chia sẻ cảm nhận: Tên sản phẩm của nhóm, cách sử dụng vật liêu/chất liệu, bày tỏ cảm xúc về sản phẩm,...– GV nhận xét tiết học, gợi mở HS ý tưởng vận dụng sản phẩm.**Hoạt động 4: Vận dụng**– Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trang 17, SGK– Gợi mở HS có thể tạo sản phẩm khác từ chấm.– Khích lệ HS thực hành (nếu HS thích).**3.Củng cố và nối tiếp (2’)**– Tóm tắt nội dung chính của bài học– Nhận xét kết quả học tập– Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo. | – Suy nghĩ, chia sẻ– Lắng nghe, nhận xét, có thể bổ sung.Quan sát, suy nghĩ, chia sẻ cảm nhận.– Thảo luận nhóm:+ Chọn vật liệu, chất liệu để thực hành+ Chia sẻ, trao đổi trong thực hành.– Tạo sản phẩm nhóm– Tập đặt câu hỏi cho bạn và trả lời câu hỏi của bạn trong nhóm.– Trưng bày sản phẩm nhóm– Giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm nhóm.– Quan sát, lắng nghe– Chia sẻ mong muốn thực hành (nếu thích)– Lắng nghe– Chia sẻ cảm nhận về bài học. |

**Tuần 7**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

 **CHỦ ĐỀ 3: SỰ THÚ VỊ CỦA NÉT**

**Tên bài học: BÀI 4: NÉT THẲNG, NÉT CONG ( tiết 1)** **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phảm chất như chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực,…thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

* Yêu thích cái đẹp thông qua biểu hiện sự đa dạng của nét trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mĩ thuật.
* Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,…phục vụ học tập, tự giác tham gia hoạt động học tập.
* Không tự tiện lấy đò dùng học tập của bạn; chia sẻ ý kiến theo đúng cảm nhận của mình.
* Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\* Năng lực mĩ thuật

 - Nhận biết nét thẳng, nét cong và sự khác nhau của chúng.

 - Tạo được sản phẩm đơn giản bằng nét thẳng , nét cong.

 - Bước đầu chia sẻ được nhận biết về nét thẳng, nét cong ở đối tượng thẩm mĩ và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

\*Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động trong hoạt động học.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

\*Năng lực đặc thù khác

* Năng lực ngôn ngữ:thông qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề.
* Năng lực thể chất: thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

**2.Đồ dùng dạy học**

a. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; đồ dùng, vật liêu như mục Chuẩn bị trang 18 SGK, màu vẽ, vật liệu dạng sợi, que tính, sợi dây, …

b.Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; phương tiện, họa cụ, họa phẩm, và vật liệu dạng que ( que tính, thước kẻ, que diêm,…), dạng sơi, giấy màu,…Đồ dùng trực quan các dạng hình kỉ hà, hình nét cong đơn giản.

- Hình minh họa trang 21

- Một số bức tranh, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật sử dụng nét thẳng, nét cong.

**3. Các hoạt động dạy học chủ** **yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động (3 phút)**GV giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học. GV dùng dây nhảy trong môn thể dục kéo thẳng và uốn/để chùng cho cong xuống. GV kết luận nét cong/ thẳng được tạo ra từ một thứ. Bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu về nét thẳng, nét cong.**2.Hình thành kiến thức mới (30 phút)****HĐ1: Quan sát, nhận biết**- GV đưa ra một số hình ảnh và gợi ý quan sát, ví dụ: Cô muốn tìm nét thẳng/ cong, bạn nào nhìn thấy nào?..- Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trong bài học (phần quan sát- nhận biết) theo dạng phát vấn/ hỏi- đáp:+ Nét cong trong hình ở chỗ nào?+ Em có nhìn thấy những nét cong khác không?+ Ai có thể chỉ ra một vài nét thẳng?+ Xung quanh em có nét thẳng không?**HĐ 2: Thực hành, sáng tạo***2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo.* - Cho HS quan sát các hình trang 21+ Em thấy hình vẽ gì?+ Hình đó được tạo bằng nét thẳng hay nét cong?- Tổ chức HS trao đổi và phát biểu về cách vẽ các hình bằng nét thẳng, nét cong đơn giản.- Hướng dẫn HS cách cầm bút, cách vẽ được đường thẳng không dùng thước kẻ; cách vẽ nhiều nét phác để có một đường như ý muốn.- Gợi mở HS tạo hình sản phẩm với que thẳng. 2.2. Thực hành, sáng tạo– Bố trí HS ngồi theo nhóm (6HS).– Giao nhiệm vụ cho HS: Sáng tạo các hình ảnh bằng nét thẳng, nét cong. GV hướng dẫn dùng một loại nét trước, không phối hợp nét. – Lưu ý HS có thể tạo hình với một loại nét thẳng, nét cong hoặc có thể kết hợp cả hai kiểu nét.– Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành.– Gợi mở nội dung HS trao đổi/thảo luận trong thực hành.**HĐ 3: Cảm nhận, chia sẻ**– Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm– Gợi mở HS giới thiệu:+ Hình được tạo từ nét thẳng hay nét cong, hay kết hợp cả hai?+ Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của bản thân, của nhóm khác.–Liên hệ sự hiện hữu của nét thẳng, nét cong trong cuộc sống.**3.Củng cố, dặn dò (2 phút)**– Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.– Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | * HS quan sát.
* HS nhắc lại tựa bài.

- HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.– Quan sát hình ảnh SGK, trang 21.– Suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV.- HS phát biểu.- HS quan sát GV làm mẫu. - GV làm mẫu, HS quan sát.- Tạo sản phẩm nhóm– Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.– Trưng bày sản phẩm theo nhóm– Giới thiệu sản phẩm của mình– Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn- Lắng nghe.– Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**TUẦN 8**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

 **CHỦ ĐỀ 3: SỰ THÚ VỊ CỦA NÉT**

**Tên bài học: BÀI 4: NÉT THẲNG, NÉT CONG ( tiết 2)** **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phảm chất như chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực,…thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

* Yêu thích cái đẹp thông qua biểu hiện sự đa dạng của nét trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mĩ thuật.
* Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,…phục vụ học tập, tự giác tham gia hoạt động học tập.
* Không tự tiện lấy đò dùng học tập của bạn; chia sẻ ý kiến theo đúng cảm nhận của mình.
* Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\* Năng lực mĩ thuật

 - Nhận biết nét thẳng, nét cong và sự khác nhau của chúng.

 - Tạo được sản phẩm đơn giản bằng nét thẳng , nét cong.

 - Bước đầu chia sẻ được nhận biết về nét thẳng, nét cong ở đối tượng thẩm mĩ và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

\*Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động trong hoạt động học.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

\*Năng lực đặc thù khác

* Năng lực ngôn ngữ:thông qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề.
* Năng lực thể chất: thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

**2.Đồ dùng dạy học**

a. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; đồ dùng, vật liêu như mục Chuẩn bị trang 18 SGK, màu vẽ, vật liệu dạng sợi, que tính, sợi dây, …

b.Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; phương tiện, họa cụ, họa phẩm, và vật liệu dạng que ( que tính, thước kẻ, que diêm,…), dạng sơi, giấy màu,…Đồ dùng trực quan các dạng hình kỉ hà, hình nét cong đơn giản.

- Hình minh họa trang 21

- Một số bức tranh, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật sử dụng nét thẳng, nét cong.

**3. Các hoạt động dạy học chủ** **yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (3 phút)**- Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học- Giới thiệu nội dung tiết học.**2.Vận dụng, thực hành (30 phút)****Hoạt động 1: Hướng dẫn cho HS tìm hiểu nội dung Vận dụng.**Yêu cầu HS quan sát các tranh trang 22 SGK .- Cho HS trả lời câu hỏi:+ Em nhìn thấy gì trong tranh?+ Bạn nhỏ đang làm gì?+ Con cá được tạo nên từ gì? Nét thẳng hay nét cong?**- Em hãy kể tên các đồ vật có nét thẳng, nét cong. HS tìm và nói đồ vật đó có nét thẳng hay nét cong hay kết hợp cả hai.****Hoạt động 2: Tổng kết bài học.**- GV chốt lại+ Nét thẳng nét cong có trong tự nhiên, trong cuộc sống và trong tác phẩm mĩ thuật.+ Em có thể vẽ mọi hình ảnh bằng nét thẳng, nét cong.**3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**– Tóm tắt nội dung chính của bài học– Nhận xét kết quả học tập– Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo: xem trước bài 5 SGK, chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục chuẩn bị trong Bài 5, trang 23 SGK. | - Suy nghĩ, chia sẻ, bổ sung.- HS quan sát.- HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.- HS phát biểu. Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy** : không

**Tuần 9**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**Tên bài học: BÀI 5: NÉT GẤP KHÚC, NÉT XOẮN ỐC ( tiết 1)** **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng cho Hs các phẩm chất như: chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật,…thông qua một số biểu hiện và hoạt động chủ yếu sau:

* Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,… phục vụ học tập.
* Biết thu gom giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
* Có ý thức bảo quản sản phẩm mĩ thuật của mình, của bạn; tôn trọng sản phẩm của bạn bè và người khác tạo ra.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

* Nhận biết được nét gấn khúc, nét xoắn ốc; biết vận dụng các nét đó để tạo sản phẩm theo ý thích.

 - Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

\*Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để thực hành, sáng tạo; tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, họa phẩm để tạo nên sản phẩm.
* \*Năng lực đặc thù khác
* Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,…sản phẩm.
* Năng lực thể chất: vận dụng sự khéo léo của bàn tay để thực hiện các thao tác như: cuộn, gấp, uốn,…

 **2.Đồ dùng dạy học**

Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy,…

* Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, hình ảnh trực quan; hình ảnh minh họa. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**3.Các hoạt động dạy học chủ** **yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động (3 phút)**GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức”.- Nhiệm vụ: mỗi HS trong nhóm vẽ kiểu nét gấp khúc, nét xoắn ốc đã biết hoặc theo ý thích, trí tưởng tượng bằng công cụ, họa phẩm sẵn có.- Yêu cầu kết quả: sản phẩm của mỗi nhóm bao gồm các nét gấp khúc, nét xoắn ốc khác nhau.- Đánh giá: Mức độ tham gia của cá nhân, tốc độ làm việc, hiệu quả sản phẩm,…- Gv chốt ý giới thiệu tựa bài.**2.Hình thành kiến thức mới (30 phút)****HĐ 1: Quan sát, nhận biết**a.Tìm hiểu nét gấp khúc, nét xoắn ốc- Tổ chức HS theo nhóm học tập, yêu cầu:+ Quan sát trang 23 SGK Mĩ thuật 1 và hình ảnh do GV chuẩn bị( nếu có)+ Thảo luận, nêu đặc điểm của mỗi kiểu nét.+ Yêu cầu HS dùng tay vẽ trên không hai kiểu nét này. Hỏi HS hai kiểu nét này khác nhau như thế nào?- GV nhận xét\* Quan sát nhận biết nét gấp khúc, nét xoắn ốc:–Cho HS làm việc nhóm, yêu cầu:+ Quan sát hình minh họa trang 24, 25 SGK và hình ảnh, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật do GV, HS chuẩn bị (nếu có).+ Nêu biểu hiện của nét gấp khúc, nét xoắn ốc ở các hình ảnh trực quan.- GV giới thiệu tác phẩm : “ Cây đời” của họa sĩ Cờ - lim, chất liệu sơn dầu.+ Giới thiệu tác giả: Họa sĩ Cờ - lim (Gustav Klim)(1862- 1918) là người Áo. Ông là người rất thích sử dụng nét xoắn ốc để sáng tạo các tác phẩm mĩ thuật.+ .GV gợi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra nét xoắn ốc được họa sĩ sử dụng.– Giới thiệu thêm một số sản phẩm, tác phẩm khác, ví dụ:+ Một số sản phẩm của họa sĩ Cờ - lim.+ Một số sản phẩm, tác phẩm khác.- Yêu cầu HS tìm các kiểu nét này ở xung quanh: trong lớp, trong trường, nơi công cộng,…– GV tóm tắt nội dung quan sát: nét gấp khúc, nét xoắn ốc có thể tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.**HĐ 2: Thực hành, sáng tạo***\* Tìm hiểu cách tạo nét gấp khúc, nét xoắn ốc.* - Tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ:+ Quan sát hình minh họa trang 26 SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có)+ Nêu thứ tự các bước thực hành tạo nét gấp khúc, nét xoắn ốc từ giấy.- GV tổng hợp , thị phạm hướng dẫn và giảng giải các thao tác, kết hợp tương tác với HS:+ Chọn giấy màu để tạo màu cho nét.+ Thực hiện các thao tác: vẽ/ kẻ, xé cuộn, dán, uốn,… để tạo nét gấp khúc, xoắn ốc.\* Thực hành và thảo luận.a/ Tổ chức cho GS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm.- Giao nhiệm vụ cho HS:+ Mỗi cá nhân tạo nét gấp khúc, nét xoắn ốc cho riêng mình.+ Mỗi thành viên quan sát các bạn trong nhóm và cùng trao đổi trong thực hành.- Quan sát HS thực hành và cách giải quyết tình huống. Ví dụ:+ Hướng dẫn HS cách gấp, xé, cuộn, cắt, dán.. giấy; cách sử dụng kéo an toàn, đảm bảo vệ sinh trang phục, bàn ghế, lớp học.+ Khích lệ HS quan sát, học hỏi kinh nghiệm và trao đổi, nhận xét, nêu câu hỏi,…trong thực hành.b/ Tổ chức cho HS làm việc nhóm và thảo luận.- Giao nhiệm vụ : Tạo sản phẩm nhóm từ các sản phẩm của mỗi cá nhân.- Gợi HS một số cách tạo sản phẩm nhóm, gợi ý nhóm Hs chia sẻ sự lựa chọn cách sắp xếp tạo sản phẩm của nhóm.- Gợi mở các nhóm HS trao đổi vận dụng sản phẩm.**Hoạt động 3: Trung bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ**– Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm: – Hướng dẫn HS quan sát sản phẩm , gợi mở HS nội dung trao đổi, chia sẻ, cảm nhận về quá trình học tập, thực hành, thảo luận. + Em thích sản phẩm nào của bạn nào/ nhóm nào?+ Có những sản phẩm nào ở các sản phẩm?+ Trong các sản phẩm trưng bày, nét nào do em tạo ra?+ Em và các bạn tạo sản phẩm của nhóm như thế nào?- Gv đánh giá kết quả.+ Kích thích HS tự đánh giá vâ liên hệ vận dụng.+ Gợi mở HS liên tưởng sáng tạo các sản phẩm khác với hai kiểu nét đã học.+ Nhận xét mức độ thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.**3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**– Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.– Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | - Tạo sản phẩm nhóm.* HS nhắc lại tựa bài.

– Thảo luận nhóm 6 HS.– Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.- HS thảo luận nhóm 4 HS– Quan sát, trả lời câu hỏi của GV.(Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh. Nhận xét câu trả lời của bạn.– Đại diện nhóm HS trả lời.( nét xoắn ốc được sử dụng để thể hiện tán lá cây). Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.– Quan sát, lắng nghe.–HS tìm và kể.– Lắng nghe.- Thảo luận nhóm– Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.- Quan sát, lắng nghe.- HS thực hiện– Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.– Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS– Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.– Trưng bày sản phẩm theo nhóm– Giới thiệu sản phẩm của mình– Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn– Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ.- HS lắng nghe. |

**TUẦN 10**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**Tên bài học: BÀI 5: NÉT GẤP KHÚC, NÉT XOẮN ỐC ( tiết 2)** **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu cầu cần đạt**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng cho Hs các phẩm chất như: chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật,…thông qua một số biểu hiện và hoạt động chủ yếu sau:

* Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,… phục vụ học tập.
* Biết thu gom giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
* Có ý thức bảo quản sản phẩm mĩ thuật của mình, của bạn; tôn trọng sản phẩm của bạn bè và người khác tạo ra.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\*Năng lực mĩ thuật

* Nhận biết được nét gấn khúc, nét xoắn ốc; biết vận dụng các nét đó để tạo sản phẩm theo ý thích.

 - Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

\*Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để thực hành, sáng tạo; tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, họa phẩm để tạo nên sản phẩm.
* \*Năng lực đặc thù khác
* Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,…sản phẩm.
* Năng lực thể chất: vận dụng sự khéo léo của bàn tay để thực hiện các thao tác như: cuộn, gấp, uốn,…

 **2.Đồ dùng dạy học**

Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy,…

* Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, hình ảnh trực quan; hình ảnh minh họa. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**3.Các hoạt động dạy học chủ** **yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động (3 phút)**- Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học- Giới thiệu nội dung tiết học.**2.Vận dụng, thực hành (30 phút)****Hoạt động 1: Hướng dẫn cho HS tìm hiểu nội dung Vận dụng.**Yêu cầu HS quan sát hình minh họa trang 27 SGK .- Cho HS trả lời câu hỏi:+ Em nhìn thấy gì trong hình?+ Con rắn được tạo nên từ nét gì?+ Cái quạt được tạo nên từ nét gì?+ Cách tạo ra con rắn, cái quạt từ nét gấp khúc, nét xoăn ốc. - GV giới thiệu thêm hình ảnh sản phẩm từ hai kiểu nét đã học.**Hoạt động 2: Tổng kết bài học.**- GV chốt lại: Có thể tạo sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật theo ý thích từ nét gấp khúc, nét xoắn ốc.**3.Củng cố, nối tiếp (2 phút).**– Tóm tắt nội dung chính của bài học– Nhận xét kết quả học tập– Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo: xem trước bài 6 SGK, chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục chuẩn bị trong Bài 6, trang 28 SGK. | - Suy nghĩ, chia sẻ, bổ sung.- HS quan sát.- HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.- HS quan sát.- HS lắng nghe. |

 **4 Điều chỉnh sau bài dạy :**  không

**Tuần 11**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

 **CHỦ ĐỀ 4: SÁNG TẠO VỚI CHẤM, NÉT, MÀU SẮC**

**Tên bài học: BÀI 6 BÀN TAY KÌ DIỆU** (tiết 1) **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu câu cần đạt**

 a**. Phẩm chất**

 Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

 - Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.

 - Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên

bàn, ghế,...

* Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo ra.

 **b. Năng lực**

 Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

 *\*. Năng lực mĩ thuật*

 - Nhận biết được hình dáng, đặc điểm của bàn tay.

 - Biết vận dụng các thể dáng khác nhau của bàn tay để tạo sản phẩm theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ trang trí.

 - Biết trưng bày, giới thiệu, nhận xét và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

 *\* Năng lực chung*

 - Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động tạo thế dáng bàn tay để thực hành.

 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

 *\* Năng lực đặc thù khác*

 - Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận với bạn, với thầy cô trong học tập.

 - Năng lực thể chất: Thông qua sự vận động của bàn tay để tạo thế dáng và thực hành tạo sản phẩm.

 **2.Đồ dùng dạy học**

**a.Giáo viên**: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, hình ảnh minh họa nội dung bài học. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

**bHọc sinh:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy, hồ dán, kéo.

**3.**

**Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khỏi động ( 3 phút)**

- Tổ chức học sinh hát, kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu của học sinh.- Cho HS kể một số công việc hằng ngày cần thực hiện bằng bàn tay.- GV chốt ý từ đó liên hệ giới thiệu nội dung bài học**2.Hình thành kiến thức mới (30 phút)****Hoạt động 2: Quan sát, nhận biết**Tổ chức học sinh quan sát hình ảnh minh họa mục Quan sát, nhận biết ở trang 28, 29 SGK- Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và thảo luận+ Nêu được tên con vật.+ Mô tả và thực hiện cách tạo hình bàn tay để biểu đạt con vật (hình dạng hoặc một phần của con vật).- Gọi đại diện các nhóm HS trình bày. Gợi mở, hướng dẫn HS tạo hình bàn tay ở các thế dáng khác nhau như: nằm ngang, thẳng đứng, nghiêng,...Có thể dùng tay xoay trên không hoặc đặt trên bàn.- *Lưu ý:* GV có thể sử dụng đèn pin để tạo bóng của bàn tay.- Tổng kết nội dung quan sát, nhận biết; gợi mở nội dung thực hành sáng tạo.**Hoạt động 3:** **Thực hành, sáng tạo**3.1. Tìm hiểu cách tạo hình từ bàn tay- Hướng dẫn HS quan sát hình minh họa trang 29, 30 SGK và hình ảnh minh hoa do GV chuẩn bị. Đặt câu hỏi, nêu vấn đề giúp HS nhận ra thứ tự các bước tạo hình một số con vật từ bàn tay.- GV thị phạm minh họa, giảng giải và phân tích các thao tác, kết hợp tương tác với HS.+ Tạo hình con ốc sên:Bước 1: Tạo thế dáng bàn tay: Nắm nhẹ bàn tay và đặt trên trang giấy.Bước 2: Dùng bút chì (hoặc bút màu) vẽ nét hình bàn tay trên trang giấy.Bước 3: Nâng bàn tay khỏi giấy và vẽ thêm nét xoắn ốc làm rõ hình con ốc sên.Bước 4: Vẽ màu theo ý thích cho hình con ốc sên và cắt khỏi trang giấy, sản phẩm đã hoàn thành.+ Tạo hình con cá, con hươu cao cổ: GV có thể tiếp tục thị phạm hoặc gợi mở HS các bước minh họa trong SGK.- Gợi nhắc HS: Có nhiều cách tạo con vật từ các thế dáng bàn tay của mình.3.2. Tổ chức HS thực hành- Bố trí HS ngồi theo nhóm (6 HS)- Giao nhiệm vụ cho HS: Tạo hình thế dáng bàn tay của mình. Vận dụng các bước thực hành để tạo con vật yêu thích bằng các chấm, nét, màu sắc.- Lưu ý HS: Lựa chọn vị trí tạo hình dáng con vật phù hợp với khổ giấy/ vở bài tập. Có thể vẽ thêm chi tiết, hình ảnh như Mặt Trời, mây, sông nước, cây,..ở xung quanh con vật, tạo chủ đề bức tranh theo ý thích. Có thể tạo kết hợp nhiều hình bàn tay trên khổ giấy, tạo bức tranh bàn tay của riêng mình.- Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành- Gợi mở nội dung HS trao đổi/ thảo luận trong thực hành.**Hoạt động 4: Cảm nhận, chia sẻ**- Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm.- Gợi mở HS giới thiệu:+ Tên con vật đã tạo được từ tạo hình thế dáng bàn tay.+ Em đã làm thế nào để tạo sản phẩm của mình?- Chia sẻ, cảm nhận về sản phẩm.**3.Củng cố, dặn dò (2 phút)**- Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.- Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | - Hát tập thể. Để đồ dùng lên bàn giáo viên kiểm tra.- HS thi nhau kể.- Lắng nghe, nhắc đề bài.- Thảo luận nhóm theo các nội dung giáo viên hướng dẫn.- Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe, quan sát.- Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.- Quan sát. Tham gia tương tác cùng GV.- Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS- Tạo sản phẩm cá nhân.- Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.- Trưng bày sản phẩm theo nhóm.- Giới thiệu sản phẩm của mình.- Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/ của bạn.- Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy :** không

**Tuần 12**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

 **CHỦ ĐỀ 4: SÁNG TẠO VỚI CHẤM, NÉT, MÀU SẮC**

**Tên bài học: BÀI 6 BÀN TAY KÌ DIỆU** (tiết 2) **Số tiết: 1**

**Thời gian thực hiện: Ngày…tháng…năm 2021**

**1.Yêu câu cần đạt**

 a**. Phẩm chất**

 Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

 - Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.

 - Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên

bàn, ghế,...

* Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo ra.

 **b. Năng lực**

 Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

 *\*. Năng lực mĩ thuật*

 - Nhận biết được hình dáng, đặc điểm của bàn tay.

 - Biết vận dụng các thể dáng khác nhau của bàn tay để tạo sản phẩm theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ trang trí.

 - Biết trưng bày, giới thiệu, nhận xét và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

 *\* Năng lực chung*

 - Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động tạo thế dáng bàn tay để thực hành.

 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

 *\* Năng lực đặc thù khác*

 - Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận với bạn, với thầy cô trong học tập.

 - Năng lực thể chất: Thông qua sự vận động của bàn tay để tạo thế dáng và thực hành tạo sản phẩm.

 **2.Đồ dùng dạy học**

**a.Giáo viên**: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, hình ảnh minh họa nội dung bài học. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

**bHọc sinh:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy, hồ dán, kéo.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khỏi động (3 phút)**Hát tập thể1. **Vận dụng thực hành (30 phút)**

**Hoạt động 1: Quan sát, nhận biết**Tổ chức học sinh quan sát, tìm hiểu một số sản phẩm được tạo nên từ tạo thế dáng bàn tay và chia sẻ cảm nhận. - GV nêu câu hỏi giúp HS nhận ra thế dáng bàn tay để tạo nên một số hình ảnh con vật ở trang 31 SGK và một số sản phẩm sưu tầm. Gợi mở HS lựa chọn cách tạo thế dáng bàn tay của mình để tạo con vật yêu thích.**Hoạt động 2:** **Thực hành, sáng tạo sản phẩm nhóm**Tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm nhóm và thảo luận.- Số HS trong mỗi nhóm (6 HS)- Giao nhiệm vụ: Từ cách tạo hình đã tham khảo hãy sáng tạo sản phẩm theo ý thích bằng bàn tay của mình.- Quan sát HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ và thảo luận; kết hợp trao đổi, nêu vấn đề và hướng dẫn, hỗ trợ HS một số thao tác (nếu cần thiết) và gợi mở HS thực hành, ví dụ:+ Tạo hình đối xứng+ Tạo thêm chi tiết cho bức tranh**Hoạt động 3: Cảm nhận, chia sẻ**- Tổ chức HS trưng bày sản phẩm.- Gợi ý nội dung HS thảo luận, nhận xét, chia sẻ cảm nhận: + Em thích hình ảnh con vật/ sản phẩm nào nhất? Vì sao?+ Các sản phẩm của nhóm/cả lớp có những hình ảnh con vật nào?+ Hình con vật nào có nhiều nét vẽ hoặc chấm?+ Sản phẩm của nhóm em được tạo như thế nào?- Tổ chức lớp bình chọn hình ảnh con vật “ấn tượng” nhất và động viên, khích lệ HS- Nhận xét kết quả, đánh giá ý thức thực hành, thảo luận của HS.**Hoạt động 4: Vận dụng**- Hướng dẫn HS quan sát một số hình ảnh minh họa trang 32 SGK, hình ảnh sưu tầm và gợi mở HS nhận ra một số cách tạo nên bức tranh con vật từ hình bàn tay và vật liệu, chất liệu khác.- Khích lệ học sinh làm ở nhà (nếu thích)**3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**- Tóm tắt nội dung chính của bài học.- Nhận xét, đánh giá ý thức học tập, thực hành, thảo luận của HS.- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài 7: Trang trí bằng chấm và nét. | - Quan sát, suy nghĩ và chia sẻ cảm nhận.- Lắng nghe, quan sát và trả lời câu hỏi GV đặt ra.- Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS- Thảo luận nhóm: + Tên con vật, tên các màu sắc sử dụng.+ Sử dụng những kiểu nét nào để vẽ, trang trí.- Tạo sản phẩm theo nhóm.- Tập đặt câu hỏi cho bạn và trả lời câu hỏi của bạn trong nhóm.- Trưng bày sản phẩm nhóm.- Giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình/ nhóm bạn.- Bình chọn con vật ấn tượng nhất.- Quan sát, lắng nghe.- Chia sẻ mong muốn thực hành (nếu thích)- Lắng nghe. - Chia sẻ cảm nhận về bài học. |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy:** không